

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 204/20242/HS-ST
Ngày: 10-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Sơn

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Hoàng Thị Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 219/TLST-HS ngày 31/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đoàn Văn T, sinh năm 1968 tại Yên Bái; nơi cư trú: tổ D (nay là tổ A), phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn V, sinh năm: 1943 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1948 (Đã chết); vợ con: chưa có; tiền án: tại Bản án số 137/HSST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản; tiền sự: 1. ngày 12/8/2021, bị Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt số tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 586/QĐ-XPHC nhưng chưa chấp hành; 2. ngày 01/9/2021, bị Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt số tiền 2.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 629/QĐ-XPHC nhưng chưa chấp hành; nhân thân: tại Bản án số 27/HSST ngày 28/11/1991 bị Tòa án nhân dân thị xã Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tại Bản án số 23/HSPT ngày 18/11/1992 bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 24 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam"; tại Bản án số 07/HSST ngày 24/02/2000 bị Tòa án nhân dân thị xã Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tại Quyết định số 816/QĐ-UB ngày

06/12/2001, Ủy ban nhân dân thị xã Y, tỉnh Yên Bái đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian chữa bệnh 12 tháng; tại Bản án số 79/HSST ngày 13/11/2003 bị Tòa án nhân dân thị xã Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 02 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; ngày 18/7/2006, bị Công an thành phố Y, tỉnh Yên Bái xử phạt số tiền 200.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 72/XPHC; ngày 01/7/2008, bị Công an thành phố Y, tỉnh Yên Bái xử phạt số tiền 200.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 105/XPHC; tại Quyết định số 21/QĐ-TA ngày 02/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng. Bị cáo bị bắt ngày 05/4/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt.

- *Bị hại*: ông Đoàn Đình Đ, sinh năm 1966, nơi cư trú: số C đường T, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đoàn Nguyễn Anh T2, sinh năm 1993, nơi cư trú: 3 T, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1967, nơi cư trú: thôn R' C, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 03/04/2024, T đi bộ đến nhà H là bạn của T tại C, Phường I, thành phố Đ chơi nhưng H không có ở nhà nên T đi về. Khi đi qua đường T, Phường I, thành phố Đ, T thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - trắng, biển số 49B1-190.55 của ông Đoàn Đình Đ đang dựng bên lề đường, không có người trông coi, trên xe gắn chìa khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, T đến ngồi lên xe rồi mở khóa, nổ máy và điều khiển xe đến huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau đó, T vào nhà nghỉ T3 ở xã P, huyện Đ, Lâm Đồng thuê phòng nghỉ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T trả phòng nhưng không có tiền nên T nói với chủ khách sạn là bà Vũ Thị H cho gửi lại xe mô tô và mượn 1.500.000đ thì bà Hợp đồng Ý. Sau khi nhận tiền phòng hết 200.000đ, T đón xe khách đi về thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Đến sáng ngày 04/04/2024, T lên thành phố Đ thì bị Công an P, thành phố Đ phát hiện. Tại cơ quan Công an, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Số tiền 1.300.000đ T đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá số 68/KL-HĐĐG ngày 05/4/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu

đỏ trắng, biển số 49B1-190.55 có giá trị còn lại là 7.000.000đ.

Vật chứng thu giữ: một (01) bản thông báo số định danh cá nhân mang tên Đoàn Văn T do Công an phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái cấp ngày 22/08/2023; một (01) bản sao sổ hộ khẩu gồm 03 trang tài liệu, chủ hộ: Đoàn Văn V; một (01) USB lưu trữ một file video ghi lại nội dung có liên quan đến vụ án.

Bị hại ông Đoàn Đình Đ xác định bị chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ trắng, mang biển số 49B1-190.55. Ông không có yêu cầu gì đối với bị cáo

N có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Nguyễn Anh T2 trình bày ông là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 49B1-190.55, ông giao chiếc xe trên cho ông Đoàn Đình Đ quản lý, sử dụng từ năm 2021 cho đến nay. Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ đã trả xe trên cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H là người cầm chiếc xe mô tô biển số 49B1-190.55 từ T và cho T mượn số tiền 1.500.000đ. Bà không biết chiếc xe mô tô trên do T phạm tội mà có. Bà không có yêu cầu gì đối với T.

Tại Bản cáo trạng số 228/CT-VKSĐL-LĐ ngày 29/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Đoàn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận ngày 03/4/2024, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 49B1-190.55 của ông Đoàn Đình Đ, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Đoàn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T: từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai bốn) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản tạm giữ tang vật, vật chứng và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo là thanh niên có sức khỏe, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động, đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu nên ngày 03/04/2024 bị cáo đã lén lút trộm cắp xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - trắng, biển số 49B1-190.55 của ông Đoàn Đình Đ rồi đem cầm cho bà Vũ Thị H, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 7.000.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt kết án nhưng chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội là tái phạm thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân xấu.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy cần có mức án nghiêm minh, tương xứng, phù hợp với hành vi bị cáo gây ra, nhất thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Về hình phạt bổ sung: đối với loại tội phạm này, ngoài hình phạt chính, pháp luật còn quy định hình phạt bổ sung nhưng do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, việc làm không ổn định nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[5] Đối với hành vi của bà H nhận cầm tài sản do bị cáo trộm cắp. Tuy nhiên, bà H không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà H là có căn cứ.

[6] Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ một (01) bản thông báo số định danh cá nhân mang tên Đoàn Văn T do Công an phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái cấp ngày 22/08/2023; một (01) bản sao sổ hộ khẩu gồm 03 trang tài liệu, chủ hộ: Đoàn Văn V; một (01) USB lưu trữ một file video ghi lại nội dung có liên quan đến vụ án. Đây là tài liệu liên quan đến vụ án nên lưu hồ sơ vụ án; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamha Sirius, màu đỏ trắng, mang biển số 49B1-190.55. Đây là tài sản của ông T2 nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ đã hoàn trả cho

ông T2.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 24 (hai bốn) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2024.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đoàn Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tp. Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thanh Thủy